

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CÁT  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

+ Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Lựu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim L, SN: 1976

Trú tại: thôn Ch, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Ông Trần Văn P, SN: 1974

Trú tại: thôn Ch, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

(Bà L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày:*

Bà với ông Trần Văn P tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 31/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bà đi làm ăn xa nhưng ông P ghen tuông, nghi ngờ bà ngoại tình nên từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng bà phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn P.

Bà với ông Trần Văn P có 03 người con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 26/6/2000, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 10/4/2002 và Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004. Các cháu hiện nay sức khỏe phát triển bình thường. Khi ly hôn cháu V, cháu T đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu V, cháu T; đối với cháu L hiện đang ở với ông P nên bà thống nhất giao cháu L cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại biên bản lấy lời khai vào ngày 07/5/2021 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông P trình bày:*

Ông với bà Bùi Thị Kim L tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 31/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L đi mua bán ở Tp. Hồ Chí Minh nên có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Từ đầu năm 2017 vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vì gia đình và vì các con nên ông không đồng ý ly hôn bà L.

Ông với bà Bùi Thị Kim L có 03 người con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 26/6/2000, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 10/4/2002 và Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường. Cháu V, cháu T đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu L hiện đang ở với ông nên khi ly hôn ông xin nhận nuôi

cháu L. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu V, cháu T, cháu L, giấy chứng minh nhân dân bà L.

- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn không có chứng cứ giao nộp cho tòa.

- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai bà L, ông P, cháu L, biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn P. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà L. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Trần Văn P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Bà Bùi Thị Kim L với ông Trần Văn P tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 31/01/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông P được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bà đi làm ăn xa nhưng ông P ghen tuông, nghi ngờ bà ngoại tình nên từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng bà phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà

nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn P. Ông P thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vì gia đình và vì các con nên ông không đồng ý ly hôn bà L.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra bà Bùi Thị Kim L với ông Trần Văn P phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng bà L, ông P phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Các bên thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P cho rằng vì gia đình nên ông không đồng ý ly hôn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông P tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng các lần ông P đều không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 Hội đồng xét xử cho bà L được ly hôn ông P.

[2.4]. Về con chung:

Bà Bùi Thị Kim L với ông Trần Văn P có 03 người con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 26/6/2000, Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 10/4/2002 và Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường. Cháu V, cháu T đã đủ 18 tuổi nên bà L, ông P không yêu cầu giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu L hiện đang ở với ông P nên khi ly hôn ông P xin nhận nuôi cháu L, bà L thống nhất giao cháu L cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai cháu L vào ngày 17/5/2021 nguyện vọng cháu L muốn ở với ông P khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, bà Bùi Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của bà L kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự, bị đơn ông P chưa chấp hành nghiêm sự triệu tập của Tòa án. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim L về việc yêu cầu ly hôn ông Trần Văn P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim L được ly hôn ông Trần Văn P.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho ông Trần Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.*

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Bà Bùi Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Tuy nhiên, bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0.0..... ngày 07/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng

đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P (02b);
- Chi cục THA DS huyện P;
- UBND xã C, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Minh**